

Bản án số: **29/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 19 - 9 - 2018

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Ngô Văn Lầu.

2. Bà Nguyễn Xuân Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 19 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2018/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 8 năm 2018 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **A**. Địa chỉ: Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Sóc Trăng. (*có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt*)

- Bị đơn: Ông **B**. Địa chỉ: Hoa Kỳ. (*có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo Đơn khởi kiện đề ngày 01/8/2018 và Đơn đề nghị không tiến hành mở phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án đề ngày 27/8/2018, nguyên đơn bà A trình bày:** Vào khoảng tháng 8/2010, bà quen biết với ông B, sau một thời gian tìm hiểu hai người tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23/11/2011. Sau khi kết hôn, ông B sống tại nhà bà một thời gian ngắn rồi trở về Hoa Kỳ. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc và có liên lạc với nhau qua điện thoại, ông B có làm hồ sơ bảo lãnh bà sang Hoa Kỳ và có về Việt Nam thăm bà 02 lần, nhưng kết quả phỏng vấn không đạt. Do bà và ông B cũng chưa hiểu luật di trú nên bỏ hồ sơ một thời gian, sau đó khoảng đầu năm 2015 ông B mở lại hồ sơ xin bảo lãnh cho bà. Tuy nhiên, cũng trong khoảng thời gian này ông B lại đi vào con đường cờ bạc, nên giữa hai người thường xảy ra mâu thuẫn, bà đã khuyên ngăn và cho ông B cơ hội để từ bỏ con

đường cờ bạc và quay lại với bà, nhưng ông B không thực hiện và không còn quan tâm đến bà, cũng như không làm hồ sơ bảo lãnh bà cho đến nay. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, giữa hai người không thể hòa hợp được nữa, không có tiếng nói chung, quan hệ hôn nhân chỉ ràng buộc nhau về mặt pháp lý, nếu kéo dài cũng làm tổn thương nhau, không thể hàn gắn để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, hơn nữa ông B cũng không còn quan tâm gì đến bà và tình cảm giữa hai người đã không còn. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông B.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung, trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn: Không có, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà yêu cầu Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời do hiện nay bà đi làm thường xuyên không có thời gian để tham gia tố tụng được nên bà yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà, bà cam kết không khiếu nại gì về sau.

*** Theo Đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 27/8/2018, bị đơn ông B trình bày:** Ông và bà A tự nguyện kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23/11/2011. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng trong khoảng 02 năm gần đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, không thể hàn gắn được, quan hệ hôn nhân hiện tại chỉ còn ràng buộc nhau về mặt pháp lý, nếu kéo dài cũng chỉ làm tổn thương nhau và không thể hạnh phúc được. Do đó, đối với yêu cầu của bà A thì ông cũng đồng ý ly hôn với bà A. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông yêu cầu Tòa án cho ông được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, do hiện nay công việc của ông bận rộn nên không thể về Việt Nam để tham gia tố tụng được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về tố tụng:

[1] Theo đơn khởi kiện nguyên đơn A yêu cầu được ly hôn với bị đơn B; về con chung, tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn không yêu cầu giải quyết; Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật giải quyết "*Tranh chấp ly hôn*" là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; trong vụ án có đương sự ở nước ngoài nên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn A và bị đơn B đều có văn bản yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 và điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn A và bị đơn B.

[3] Ngày 27/8/2018 nguyên đơn A có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[II] Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà A và ông B là những người có đủ điều kiện kết hôn, hai người đã tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23/11/2011, nên quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông B là hôn nhân hợp pháp.

[2] Sau khi kết hôn, hai người chỉ chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, nguyên nhân chủ yếu là do hai người không tìm được tiếng nói chung, tính tình của hai người không hòa hợp, ông B làm thủ tục bảo lãnh bà A sang Hoa Kỳ định cư không được... từ đó dẫn đến hai người không còn tình cảm với nhau, ông B trở về Hoa Kỳ sinh sống và không còn quan tâm đến bà A cũng như tiếp tục làm các thủ tục để bảo lãnh bà A sang Hoa Kỳ định cư để vợ chồng có thể đoàn tụ với nhau. Như vậy, cho thấy cuộc sống vợ chồng bà A và ông B không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng đã thật sự không còn, mâu thuẫn vợ chồng đến mức trầm trọng, tương lai không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không thể tồn tại, nếu duy trì hôn nhân sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của mỗi người. Theo bà A yêu cầu ly hôn với ông B thì ông B cũng đồng ý. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của bà A xin được ly hôn với ông B là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đồng ý cho bà A được ly hôn với ông B.

[3] Về con chung, tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn khi ly hôn: Bà A và ông B đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà A phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền 300.000đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, điểm a khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà A được ly hôn với ông B.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn khi ly hôn: Hai bên không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà A phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0004426 ngày 09/8/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng; Như vậy, bà A đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Báo các đương sự biết, án xử sơ thẩm công khai có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết) để xin Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Đối với đương sự cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án là 01 tháng, kể từ ngày bản án, quyết định được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án, quyết định được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- UBND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu HSVA-TDS.

Nguyễn Văn Dũ

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Lâu

Nguyễn Xuân Hoàng

Nguyễn Văn Dũ

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào ngày 19 tháng 9 năm 2018. Tại Phòng nghị án, trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũ.
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Ngô Văn Lầu.
2. Bà Nguyễn Xuân Hoàng.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 48/2018/TLST-HNGĐ, ngày 09/8/2018 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **A**, sinh năm 1992. Địa chỉ: Ấp Tâm Lộc, xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông **B**, sinh năm 1990. Địa chỉ: 1190 Ne 37th Avenue Homestead, FL 33033, USA (Hoa Kỳ). Chỗ ở hiện nay: 174 Hillman Dr Elmwood Park NJ 07407, USA (Hoa Kỳ).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Thống nhất 3/3 với các nội dung phán quyết sau đây:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, điểm a khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà A được ly hôn với ông B.
- Về con chung, tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn khi ly hôn: Hai bên không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.
- Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà A phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng (Ba

trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0004426 ngày 09/8/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng; Như vậy, bà A đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Nghị án cùng ngày 19 tháng 9 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Lâu

Nguyễn Xuân Hoàng

Nguyễn Văn Dũ